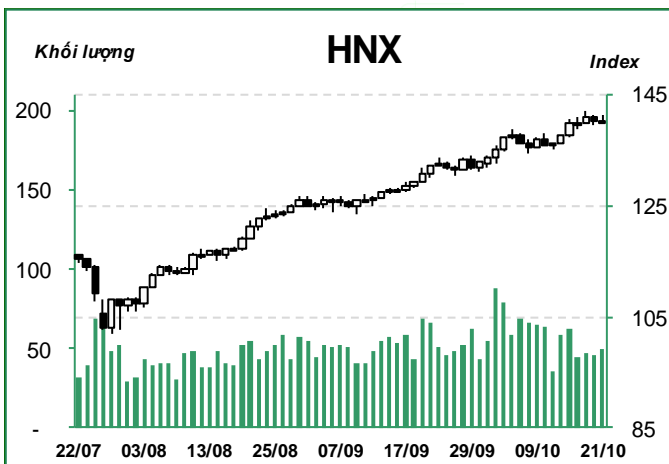
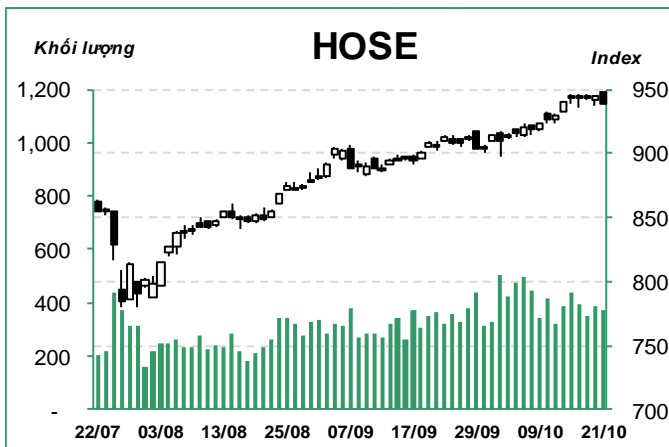


Tổng quan thị trường

21/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	939.03	-0.57%	906.10	-0.37%	139.98	-0.25%
Cuối tuần trước	943.30	-0.45%	901.59	0.50%	139.82	0.11%
Trung bình 20 ngày	925.60	1.45%	877.97	3.20%	136.88	2.27%
Tổng KLGD (triệu cp)	412.65	-7.13%	176.64	-9.02%	51.45	4.40%
KLGD khớp lệnh	372.35	-3.45%	152.21	-15.44%	49.57	7.63%
Trung bình 20 ngày	401.75	-7.32%	138.80	9.66%	58.45	-15.20%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	8,395.56	-8.65%	4,881.19	-10.45%	707.63	-8.19%
GTGD khớp lệnh	7,165.34	-7.50%	4,091.87	-18.05%	686.10	-4.34%
Trung bình 20 ngày	7,118.09	0.66%	3,653.69	11.99%	779.22	-11.95%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	166	35%	10	33%	63	18%
Số mã giảm	240	50%	16	53%	75	21%
Số mã đứng giá	72	15%	4	13%	216	61%



Sau chuỗi tăng điểm liên tục gần đây, thị trường có dấu hiệu điều chỉnh trở lại khi nhà đầu tư bắt đầu chốt lời ngắn hạn để bảo toàn lợi nhuận. Về diễn biến phiên, các chỉ số đồng loạt bật tăng ngay đầu phiên với những thông tin tích cực liên quan đến triển vọng của gói kích thích kinh tế của Mỹ. Tuy nhiên, áp lực bán tăng dần sau đó đã khiến các chỉ số chính trên 2 sàn HoSE và HNX đảo chiều và lùi về mức thấp nhất phiên.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa giảm điểm xuống mức 939.03 điểm (-0.57%) với KLGD khớp lệnh đạt 372.3 triệu cổ phiếu (-3.5%), tương đương 7,165 tỷ đồng giá trị (-7.5%). Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên bán với 240 mã giảm so với 166 mã tăng.

Trong đó, Vietcombank-VCB (-1.7%) gây áp lực chính cho thị trường sau khi ngân hàng này công bố KQKD quý 3 bất ngờ sụt giảm đáng kể. Tiếp đến là Vietinbank-CTG (-3.3%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-3.7%), Bảo Việt-BVH (-3.7%) cũng đóng cửa lao dốc khá mạnh. Ở chiều ngược lại, BIDV-BID (+0.8%), Vincom Retail-VRE (+1.6%), VPBank-VPB (+1.2%) dẫn đầu ở chiều tăng điểm.

Khối ngoại tiếp tục rút vốn trên sàn HoSE hôm nay với giá trị bán ròng 361.1 tỷ đồng (-58.8%). Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Vincom Retail-VRE (-99.8 tỷ), Masan-MSN (-75.5 tỷ) và Vinhomes-VHM (-67.0 tỷ). Trong khi đó, Hòa Phát-HPG (+48.7 tỷ), Đất Xanh-DXG (+25.7 tỷ), Thủy sản

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
TCB	11,595.0	273.21
MSN	2,190.0	183.30
VRE	4,200.0	117.60
TPB	4,000.0	100.40
VPB	1,780.0	42.72
DBD	810.0	37.34
NVL	545.0	33.27
NLG	1,225.1	32.99
HPG	1,038.0	29.08
HVN	1,073.0	27.66
HNX		
NVB	800.0	7.92
TNG	313.4	4.58
SHB	205.1	3.26
GKM	159.5	2.52
VC3	120.0	1.98
WSS	249.3	0.47
ACB	11.1	0.30
DNP	15.6	0.28
SJE	12.0	0.22

Vĩnh Hoàn-VHC (+10.0 tỷ) dẫn đầu ở chiều mua ròng của khối ngoại.

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng có diễn biến giảm điểm tương tự và đóng cửa tại mức 139.98 điểm (-0.25%). KLGĐ khớp lệnh đạt 49.6 triệu cổ phiếu (+7.6%), tương đương 686.1 tỷ đồng giá trị (-4.3%).

Đa phần các cổ phiếu trụ cột trên sàn đều đảo chiều giảm điểm. Trong đó, Ngân hàng Á Châu-ACB (-0.4%), Dầu khí PTSC-PVS (-2.1%), Idico-IDC (-1.1%) và Bảo hiểm PVI-PVI (-1.3%) là những cổ phiếu có tác động tiêu cực đối với chỉ số. Ở chiều ngược lại, Vinaconex-VCG (+0.5%), Hóa chất Lâm Thao-LAS (+9.9%) và Đầu tư Thành Đạt-DTD (+9.8%) hỗ trợ thị trường không giảm sâu.

Khối ngoại bất ngờ mua ròng mạnh trên sàn HNX, đạt giá trị 22.3 tỷ đồng (+267.3%). Trong đó, lực mua tập trung ở các cổ phiếu như Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+21.2 tỷ), Thống Nhất-BAX (+1.8 tỷ) và Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.7 tỷ). Trái lại, khối này bán ròng nhiều nhất là Đầu tư Thành Đạt-DTD (-2.4 tỷ), Viễn thông VTC-VTC (-0.4 tỷ) và Vinam Group-CVN (-0.3 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch suy giảm và duy trì dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền có dấu hiệu thận trọng trở lại. Không những vậy, chỉ số không thể giữ được trên vùng 940 điểm (Fib 127.2) và cắt xuống dưới MA5, cùng với RSI có dấu hiệu suy yếu trên vùng 70, cho thấy áp lực chốt lời đang mạnh lên. Tuy nhiên, chỉ số vẫn giữ trên MA 20, kèm theo đường ADX nằm trên vùng 25 và đường +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng chính vẫn là phục hồi, phiên giảm điểm có thể chỉ nằm trong nhịp điều chỉnh kéo dài từ 3 tới 5 phiên về vùng hỗ trợ xu hướng quanh 923 điểm (MA20) nhằm rũ bỏ các vị thế yếu và củng cố cho xu hướng chính bền vững hơn. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù chỉ số có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp nhưng vẫn giữ trên MA20, cho thấy xu hướng chính vẫn là phục hồi, phiên giảm điểm có thể chỉ nằm trong nhịp điều chỉnh kỹ thuật về kiểm tra lại vùng 138.3 điểm (đỉnh năm 2018) trước khi quay lại xu hướng chính. Nhìn chung, thị trường có thể cần nhịp điều chỉnh kỹ thuật về vùng hỗ trợ xu hướng. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc tận dụng nhịp điều chỉnh để tái cơ cấu lại danh mục của mình hợp lý hơn.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CSV	29.1	809.2	7.0%
SGR	18.4	13.1	7.0%
RAL	121.9	50.4	6.9%
TTE	10.8	0.1	6.9%
OGC	8.0	1,637.3	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DTL	7.3	0.0	-7.0%
VCI	37.2	2,092.7	-7.0%
MCP	31.3	0.1	-7.0%
RIC	4.5	0.2	-6.9%
HCD	2.5	1,515.8	-6.8%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCB	23.8	503.9	-0.6%
VPB	25.1	408.8	1.2%
STB	14.4	376.0	1.4%
HPG	29.1	313.4	-0.9%
CTG	31.1	291.8	-3.3%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	14.4	25,829.0	1.4%
TCB	23.8	20,951.1	-0.6%
VPB	25.1	16,059.8	1.2%
TCH	20.9	13,073.3	0.0%
HPG	29.1	10,669.6	-0.9%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NGC	2.2	20.8	10.0%
PSE	9.9	0.1	10.0%
SEB	36.3	1.0	10.0%
LAS	7.8	1,076.9	9.9%
DTD	22.4	465.9	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.7	1,278.4	-12.5%
VNC	37.3	0.2	-9.9%
PV2	2.8	0.9	-9.7%
SFN	20.7	0.3	-9.2%
HBS	2.1	8.5	-8.7%

Top 5 giá trị

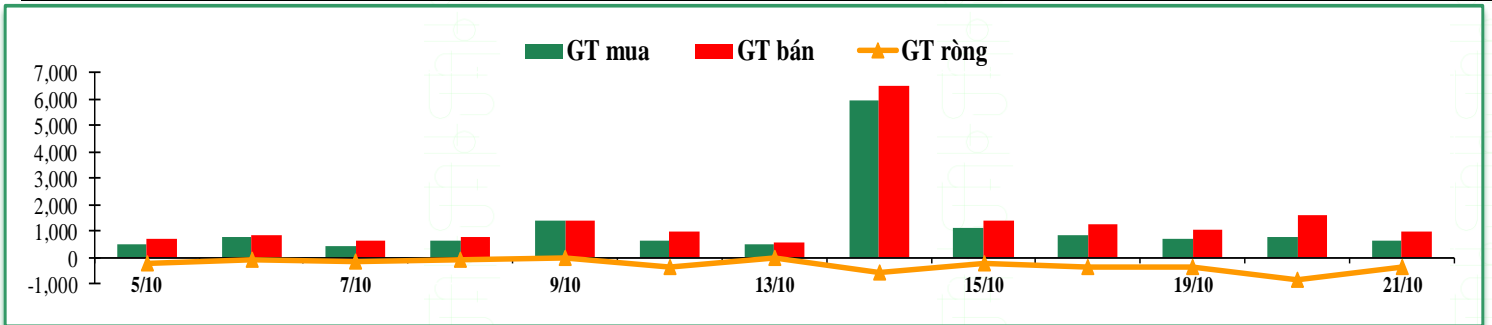
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	25.2	224.7	-0.4%
SHS	13.4	92.0	-2.2%
PVS	13.9	56.5	-2.1%
SHB	15.8	35.1	0.0%
NVB	9.1	29.6	1.1%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	25.2	8,864.8	-0.4%
SHS	13.4	6,713.2	-2.2%
PVS	13.9	4,021.2	-2.1%
HUT	2.5	3,407.7	-3.8%
NVB	9.1	3,266.7	1.1%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	609.8	7.3%	970.9	11.6%	-361.1
HNX	27.1	3.8%	4.8	0.7%	22.3
Tổng số	636.9		975.8		-338.9



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	29.1	102.7	-0.9%
TCB	23.8	84.2	-0.6%
VPB	25.1	62.7	1.2%
VRE	27.9	51.4	1.6%
DXG	11.8	28.7	-3.7%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VRE	27.9	151.2	1.6%
MSN	83.7	86.1	0.0%
TCB	23.8	84.2	-0.6%
VHM	76.4	75.1	0.3%
VPB	25.1	61.4	1.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	29.1	48.7	-0.9%
DXG	11.8	25.7	-3.7%
VHC	41.9	10.0	-1.9%
REE	41.8	9.7	0.5%
NLG	26.8	8.2	-0.9%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	13.4	21.2	-2.2%
BAX	63.2	1.8	-4.2%
SHB	15.8	0.9	0.0%
DP3	77.1	0.6	-4.8%
DNM	48.9	0.4	0.4%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
DTD	22.4	2.4	9.8%
VTC	8.3	0.4	2.5%
CVN	17.0	0.3	-0.6%
SHB	15.8	0.2	0.0%
NBC	5.6	0.1	0.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	13.4	21.2	-2.2%
BAX	63.2	1.8	-4.2%
SHB	15.8	0.7	0.0%
DP3	77.1	0.6	-4.8%
DNM	48.9	0.4	0.4%

Tin trong nước

Giao dịch T+0 và bán khống còn vướng công nghệ, năm 2021 dự kiến ra mắt

Bộ Tài chính hiện đang lấy ý kiến dự thảo Thông tư hướng dẫn giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm được niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán, thay thế cho Thông tư số 203/2015/TT-BTC. Dự thảo Thông tư này lần đầu đưa ra định nghĩa cũng như các quy định cho giao dịch bán khống có bảo đảm.

Cùng với giao dịch trong ngày (T+0), bán khống sẽ là cú hích cho thị trường chứng khoán cũng như giúp Việt Nam cải thiện các tiêu chí đánh giá nâng hạng theo FTSE Russell và MSCI.

Chia sẻ về vấn đề này tại tọa đàm “Sự vươn lên của thị trường chứng khoán Việt Nam hậu Covid-19”, tổ chức sáng 21/10, ông Nguyễn Sơn, Chủ tịch Trung tâm Lưu ký chứng khoán (VSD) cho biết giao dịch trong ngày, bán khống chờ về đã có cơ sở pháp lý nhưng phải dựa trên nền tảng công nghệ. Hiện Việt Nam đang đầu tư gói thầu công nghệ toàn thị trường và dự kiến vận hành vào 2021. Khi đó, trên nền tảng pháp lý là các văn bản, nghị định, quy trình cùng hệ thống công nghệ sẵn sàng thì có thể triển khai các sản phẩm nói trên.

Với giao dịch bán khống, người đứng đầu VSD cho biết hiện luật không cấm nhưng chưa có văn hướng dẫn cụ thể. Khi có hệ thống công nghệ mới thì có thể dần dần triển khai vào năm tiếp theo.

Ông Nguyễn Sơn cũng chia sẻ thêm, trong lần thay đổi pháp lý lần này, CCP (là một cơ chế hoạt động của trung tâm thanh toán bù trừ, trong đó CCP đóng vai trò là một chủ thể đứng giữa các bên giao dịch) sẽ được áp dụng cho thị trường cơ sở sau khi triển khai cho thị trường phái sinh năm 2018. Với CCP, Việt Nam có thể tháo gỡ vấn đề vướng mắc ký quỹ 100% khi đặt lệnh mua chứng khoán. Thay vào đó, nhà đầu tư chỉ cần ký quỹ 10-20% giá trị mua.

Đây cũng là hạn chế duy nhất khiến Việt Nam chưa được thăng hạng theo FTSE Russell.

Dưới góc nhìn của nhà quản lý, bà Tạ Thanh Bình, Vụ trưởng Vụ Phát triển thị trường, Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho biết cơ quan quản lý đang tập trung cao độ cho hoàn thiện khung pháp lý mới cho thị trường chứng khoán. Theo kế hoạch, đến 15/11, các cấp quản lý sẽ ký ban hành toàn bộ 4 nghị định và 11 thông tư hướng dẫn để đảm bảo có hiệu lực cùng thời điểm với Luật Chứng khoán năm 2019 từ ngày 1/1/2021.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Bộ Xây dựng sắp thoái 36% vốn Idico, giá khởi điểm 26.930 đồng/cp

Bộ Xây dựng vừa phê duyệt phương án thoái toàn bộ vốn Nhà nước tại Tổng công ty Idico (HNX: IDC). Khối lượng thoái vốn là 108 triệu cổ phiếu, tương đương với 36% vốn điều lệ IDC.

Phương thức thoái vốn là đấu giá công khai thông thường tại Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM theo quy định. Thời gian thực hiện theo Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6 của Thủ tướng Chính phủ và thời hạn hiệu lực quy định của Chứng thư thẩm định giá số 139/2020/CTTDG-CPAVIETNAM.

Theo Quyết định số 908, mục tiêu thoái vốn tại Idico là giảm tỷ lệ sở hữu Nhà nước từ 36% về 0%. Doanh nghiệp phải thoái vốn trước ngày 30/11/2020, nếu không hoàn thành thoái vốn thì hoàn thành chuyển giao về SCIC trước 31/12/2020.

Dược Hậu Giang báo lãi quý III tăng 42% nhờ tiết giảm chi phí

Công ty Dược Hậu Giang (HoSE: DHG) vừa công bố báo cáo tài chính quý III với doanh thu giảm nhẹ hơn 1% so với cùng kỳ năm 2019, còn 865 tỷ đồng. Nhờ giá vốn giảm mạnh hơn giúp lợi nhuận gộp đạt 397 tỷ đồng, tăng 7%. Biên lợi nhuận gộp cũng tăng lên 45,9%.

Về hoạt động tài chính, doanh thu tăng trong khi chi phí giảm giúp Dược Hậu Giang tăng lãi lên 10,5 tỷ đồng. Công ty cho biết chi phí bán hàng và quản lý được tiết giảm nhằm phù hợp trong giai đoạn dịch Covid-19. Cụ thể, chi phí bán hàng giảm 12% còn 150 tỷ đồng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 5% còn 68 tỷ đồng. Doanh nghiệp tiết kiệm được 23,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái.

Lợi nhuận sau thuế ghi nhận hơn 166 tỷ đồng, tăng 42%. Lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng tương đương đạt 1.223 đồng/cp. Dược Hậu Giang lý giải ngoài việc cắt giảm chi phí, công ty cũng tập trung bán các sản phẩm chiến lược và chủ lực đồng thời triển khai dự án tăng năng suất, hiệu quả sản xuất, nhờ vậy, thúc đẩy lợi nhuận tăng.

Sau 9 tháng, công ty đạt 2.544 tỷ đồng, giảm 3% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận trước thuế là 589 tỷ đồng, tăng 22,5% và lợi nhuận sau thuế là 529 tỷ đồng, tăng 24%. Doanh nghiệp ngành dược này hoàn thành 82% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

PV Gas lãi giảm 30% trong quý III, đẩy nhanh đầu tư các dự án dở dang

Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas, HoSE: GAS) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III với doanh thu thuần giảm hơn 16% còn 15.937 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp giảm mạnh 33% còn 2.906 tỷ đồng.

Trong kỳ, doanh thu tài chính cũng giảm 14% còn 384 tỷ chủ yếu do giảm thu lãi tiền gửi. Tuy nhiên, các chi phí tài chính, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp cũng đều được tiết giảm so với cùng kỳ năm trước. Theo đó lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 2.023 tỷ đồng, giảm 30% so với cùng kỳ.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, PV Gas ghi nhận doanh thu giảm 16% còn 48.625 tỷ đồng và lợi nhuận cổ đông công ty mẹ giảm 31% còn 6.129 tỷ đồng. Thu nhập trên mỗi cổ phần sau 9 tháng đạt 3.057 đồng.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VRE	Mua	22/10/20	27.9	27.9	0.0%	32	14.7%	27.35	-2.0%	Cổ phiếu có tín hiệu phục hồi trở lại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	DVN	Quan sát mua	22/10/20	14.2	17-17.5	Nền tảng mạnh cắt lên lại MA50 và break trendline giảm + vol cao -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 13.9-14
2	PWA	Quan sát mua	22/10/20	10.1	12.5-13	Tín hiệu break sau tín hiệu rũ hàng, đồng thời cắt lên lại MA50 cho khả năng quay lại xu hướng tăng -> có thể cân nhắc tham gia trong vùng 10-10.2 khi vol giảm thấp lại
3	TV2	Quan sát mua	22/10/20	48.5	51.5-52 56	Mẫu hình đảo chiều Bullish Engulfing + break trendline giảm -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 47.5-48
4	CTG	Quan sát mua	22/10/20	31.05	34 37.5-38	Nền điều chỉnh ko quá tiêu cực với vol giảm, khả năng chỉ là điều chỉnh thông thường -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về quanh 30

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	HPG	Mua	28/09/20	29.1	25.75	13.0%	30	16.5%	25	-3%	
2	FPT	Nắm giữ	09/10/20	52.8	51.1	3.3%	56	9.6%	50	-2%	
3	BVH	Nắm giữ	12/10/20	52	49	6.1%	58.8	20%	47.2	-4%	Điều chỉnh giá do trả cổ tức 8% bằng tiền
4	TCM	Mua	15/10/20	25.3	23.9	5.9%	27.5	15%	23.2	-3%	
5	TCB	Mua	20/10/20	23.75	23	3.3%	25.4	10%	22.3	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 21/10/2020							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,050	-0.9 %	-32%	4,291	56	58,300	0	KIS	CTD	77,830	9.6	16/12/2020
CFPT2003	7,300	13,490	1.4 %	85%	683	19	52,800	13,845	SSI	FPT	41,790	0.8	09/11/2020
CFPT2006	1,500	2,310	1.3 %	54%	4,370	8	52,800	2,231	HCM	FPT	43,460	4.2	29/10/2020
CFPT2007	1,690	2,050	-4.2 %	21%	651	2	52,800	2,085	MBS	FPT	42,590	4.9	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,700	-1.7 %	13%	48,937	85	52,800	1,262	HCM	FPT	46,990	4.9	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,700	-1.1 %	9%	34,884	58	52,800	2,076	MBS	FPT	46,800	3.0	18/12/2020
CHPG2008	4,100	7,920	-0.4 %	93%	8,443	40	29,100	7,832	SSI	HPG	22,910	0.8	30/11/2020
CHPG2009	1,600	6,580	1.9 %	311%	1,556	8	29,100	6,689	HCM	HPG	18,410	1.6	29/10/2020
CHPG2012	6,100	9,830	-0.4 %	61%	20,016	89	29,100	9,475	SSI	HPG	21,680	0.8	18/01/2021
CHPG2013	6,900	12,140	3.3 %	76%	2,950	41	29,100	11,921	SSI	HPG	19,630	0.8	01/12/2020
CHPG2014	7,200	11,290	4.0 %	57%	3,147	180	29,100	9,751	SSI	HPG	21,680	0.8	19/04/2021
CHPG2015	6,700	10,300	3.1 %	54%	2,409	131	29,100	9,577	SSI	HPG	21,680	0.8	01/03/2021
CHPG2016	2,200	4,460	-1.1 %	103%	30,987	85	29,100	4,224	HCM	HPG	22,500	1.6	14/01/2021
CHPG2019	1,630	2,860	-1.4 %	75%	85,969	58	29,100	2,558	MBS	HPG	24,100	2.0	18/12/2020
CMBB2003	2,000	3,510	-3.3 %	76%	1,858	19	18,550	3,250	SSI	MBB	15,650	0.9	09/11/2020
CMBB2005	2,000	1,300	0 %	-35%	1,999	5	18,550	1,297	VCI	MBB	17,390	0.9	26/10/2020
CMBB2006	1,100	2,540	2.0 %	131%	1,212	8	18,550	2,476	HCM	MBB	14,350	1.7	29/10/2020
CMBB2007	1,400	2,460	-2.0 %	76%	37,583	85	18,550	2,279	HCM	MBB	14,780	1.7	14/01/2021
CMSN2001	2,300	3,630	-4.2 %	58%	8,465	56	83,700	3,643	KIS	MSN	65,790	5.0	16/12/2020
CMSN2005	2,100	4,920	7.0 %	134%	5,464	8	83,700	4,748	HCM	MSN	60,000	5.0	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2006	1,900	5,880	2.8 %	209%	8,260	85	83,700	5,619	HCM	MSN	56,000	5.0	14/01/2021
CMSN2008	1,530	6,300	5.2 %	312%	1,383	47	83,700	6,181	MBS	MSN	53,000	5.0	07/12/2020
CMWG2006	2,000	110	-50.0 %	-95%	14,575	5	105,800	0	VCI	MWG	108,480	4.9	26/10/2020
CMWG2007	12,900	21,140	-4.3 %	64%	912	40	105,800	20,284	SSI	MWG	85,800	1.0	30/11/2020
CMWG2008	1,300	2,380	6.7 %	83%	12,534	6	105,800	2,224	HCM	MWG	83,820	9.9	27/10/2020
CMWG2009	1,600	3,140	-1.9 %	96%	2,102	2	105,800	3,159	MBS	MWG	80,860	7.9	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,750	-1.8 %	96%	32,064	85	105,800	2,577	HCM	MWG	80,860	9.9	14/01/2021
CMWG2011	2,980	5,000	4.6 %	68%	6,471	58	105,800	4,166	MBS	MWG	85,800	4.9	18/12/2020
CMWG2012	4,390	6,190	4.9 %	41%	3,554	110	105,800	5,640	SSI	MWG	78,890	4.9	08/02/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	56	62,300	5	KIS	NVL	65,890	4.0	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,110	-2.8 %	5%	410	140	62,300	733	KIS	NVL	59,890	5.0	10/03/2021
CPNJ2003	2,000	70	-41.7 %	-97%	3,410	5	67,000	(0)	VCI	PNJ	75,000	5.0	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	730	1.4 %	-27%	24,085	8	67,000	704	HCM	PNJ	60,000	10.0	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	1,180	0 %	18%	48,621	85	67,000	849	HCM	PNJ	59,000	10.0	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	3,200	8.5 %	92%	19,210	30	67,000	2,826	MBS	PNJ	53,000	5.0	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	3,810	-0.8 %	26%	5,466	110	67,000	3,491	SSI	PNJ	50,000	5.0	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,460	6.0 %	146%	10,851	8	41,800	2,364	HCM	REE	30,000	5.0	29/10/2020
CREE2004	1,570	4,100	4.9 %	161%	1	2	41,800	4,102	MBS	REE	29,500	3.0	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,520	-0.4 %	94%	8,410	85	41,800	2,382	HCM	REE	32,500	4.0	14/01/2021
CROS2002	1,000	150	0 %	-85%	2,677	56	2,260	(0)	KIS	ROS	7,230	1.0	16/12/2020
CSBT2001	2,900	590	0 %	-80%	3	56	15,950	0	KIS	SBT	21,110	1.0	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,960	13.9 %	74%	18,489	56	14,400	2,565	KIS	STB	11,890	1.0	16/12/2020
CSTB2004	1,400	3,540	7.3 %	153%	18,725	40	14,400	3,436	SSI	STB	11,000	1.0	30/11/2020
CSTB2005	1,080	1,390	16.8 %	29%	9,092	13	14,400	1,301	KIS	STB	11,810	2.0	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,590	8.9 %	6%	49,230	166	14,400	983	KIS	STB	12,890	2.0	05/04/2021
CSTB2008	1,500	4,300	4.9 %	187%	6,758	30	14,400	4,225	MBS	STB	10,200	1.0	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,800	4.1 %	130%	30,914	58	14,400	3,552	MBS	STB	10,900	1.0	18/12/2020
CTCB2003	2,000	90	-60.9 %	-96%	17,814	5	23,750	(0)	VCI	TCB	25,000	1.0	26/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCB2005	3,000	2,470	-10.2 %	-18%	20,406	40	23,750	1,827	SSI	TCB	22,000	1.0	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,860	-5.0 %	138%	17,746	8	23,750	2,881	HCM	TCB	18,000	2.0	29/10/2020
CTCB2007	1,700	2,500	-2.7 %	47%	55,647	85	23,750	1,948	HCM	TCB	20,000	2.0	14/01/2021
CTCB2008	1,720	2,300	-5.7 %	34%	22,212	58	23,750	1,923	MBS	TCB	20,000	2.0	18/12/2020
CVHM2001	3,100	760	2.7 %	-75%	7,141	56	76,400	0	KIS	VHM	94,570	5.0	16/12/2020
CVHM2002	11,500	4,500	11.9 %	-61%	10,702	40	76,400	954	SSI	VHM	77,000	1.0	30/11/2020
CVHM2003	1,000	700	12.9 %	-30%	27,755	8	76,400	645	HCM	VHM	70,000	10.0	29/10/2020
CVHM2005	1,400	810	8.0 %	-42%	22,565	85	76,400	152	HCM	VHM	79,000	10.0	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,740	-1.7 %	-40%	25,276	110	76,400	838	SSI	VHM	75,000	5.0	08/02/2021
CVJC2001	2,400	160	60.0 %	-93%	9,707	56	103,900	(0)	KIS	VJC	173,140	10.0	16/12/2020
CVJC2002	1,900	30	-40.0 %	-98%	11,410	8	103,900	(0)	HCM	VJC	116,000	10.0	29/10/2020
CVJC2005	2,000	1,330	-0.8 %	-34%	3,237	110	103,900	610	SSI	VJC	100,000	10.0	08/02/2021
CVNM2004	17,500	16,490	1.4 %	-6%	400	40	106,400	13,959	SSI	VNM	95,550	0.8	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,870	1.8 %	91%	1,426	8	106,400	2,846	HCM	VNM	83,400	8.1	29/10/2020
CVNM2007	2,400	1,430	-5.3 %	-40%	1,568	140	106,400	340	KIS	VNM	112,460	8.1	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,170	0 %	21%	3,816	85	106,400	1,657	HCM	VNM	93,520	8.2	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,660	1.9 %	47%	24,721	47	106,400	2,312	MBS	VNM	87,780	8.2	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,600	0 %	-3%	3,378	110	106,400	2,079	SSI	VNM	90,240	8.2	08/02/2021
CVPB2006	3,400	2,000	6.4 %	-41%	50,443	40	25,100	1,242	SSI	VPB	24,000	1.0	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,410	17.5 %	-17%	34,458	8	25,100	1,307	HCM	VPB	22,500	2.0	29/10/2020
CVPB2008	1,800	2,170	6.9 %	21%	100,355	85	25,100	1,654	HCM	VPB	22,000	2.0	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,850	10.9 %	75%	40,823	30	25,100	2,475	MBS	VPB	20,200	2.0	20/11/2020
CVRE2003	3,000	190	0 %	-94%	8,482	56	27,900	0	KIS	VRE	38,000	2.0	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,620	15.7 %	-60%	7,201	40	27,900	452	SSI	VRE	28,000	1.0	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,220	7.0 %	11%	31,571	8	27,900	1,229	HCM	VRE	23,000	4.0	29/10/2020
CVRE2007	1,520	470	2.2 %	-69%	120,879	166	27,900	93	KIS	VRE	33,330	5.0	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,160	13.7 %	-3%	33,245	85	27,900	581	HCM	VRE	26,000	4.0	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
TNG (New)	HNX	12,900	15,000	21/10/2020	236	2,902	16,623	18%	5.3%	5.2	0.9	16%
PVT (New)	HOSE	13,700	15,700	16/10/2020	666	1,757	21,242	11%	5.9%	8.9	0.6	10%
TCM (New)	HOSE	25,300	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
HBC (New)	HOSE	11,050	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
KBC (New)	HOSE	14,750	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
ANV	HOSE	19,550	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG	HOSE	11,800	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV	UPCOM	62,000	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG	HOSE	26,800	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP	HOSE	46,750	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD	HOSE	58,300	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD	HOSE	46,100	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	86,200	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	49,500	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	54,300	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	27,900	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,150	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	105,800	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	62,300	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,050	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phs.vn